

Số: 214/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 07 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện H, Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp năm 2009. Sau khi cưới do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị T và anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B có hai con chung: Cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 30/01/2011 và cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/12/2018.

Chị T và anh B thống nhất thỏa thuận: Anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Th, chị T trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Tuệ L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

Chị T, anh B có quyền qua lại thăm non, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B.

- Về con chung: Công nhận các cháu: Cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 30/01/2011 và cháu Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/12/2018 là con chung của Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B.

Hai bên thỏa thuận: Anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Th, chị T trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Tuệ L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

Chị T, anh B có quyền qua lại thăm non, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức B chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: . Chị Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0009932 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; Anh Nguyễn Đức B phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0009931 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (chị T, anh B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân